

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu chứng khoán và bất động sản với thanh khoản tăng mạnh

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm, trái ngược với diễn biến thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

KBC, BAF

## [Cập nhật công ty]

VHM, NLG

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị gia tăng tỷ trọng quanh vùng hỗ trợ của các cổ phiếu mục tiêu nhưng không chế tỷ trọng ở mức an toàn

01/12/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,045.52	-0.28
VN30	1,053.76	+0.43
HĐTL VN30F1M	1,037.70	+0.95
HNXIndex	211.00	+1.06
HNX30	347.35	+0.58
UPCoM	71.43	+0.79
USD/VND	24,640	-0.25
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	4.91	-0
Lãi suất qua đêm (%)	5.09	+52
Dầu (WTI, \$)	80.26	-0.36
Vàng (LME, \$)	1,775.00	+0.37



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,045.52 (-0.28%)  
**KLGD (triệu CP)** 1,342.2 (+47.7%)  
**GTGD (triệu US\$)** 837.8 (+16.3%)

TTCK Việt Nam giảm điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu chứng khoán và bất động sản với thanh khoản tăng mạnh. Khối ngoại tiếp tục mua ròng, tập trung ở VHM (0%), STB (+1%), MSN (-2%).

**HNXIndex** 211.00 (+1.06%)  
**KLGD (triệu CP)** 138.5 (+56.3%)  
**GTGD (triệu US\$)** 68.9 (+56.4%)

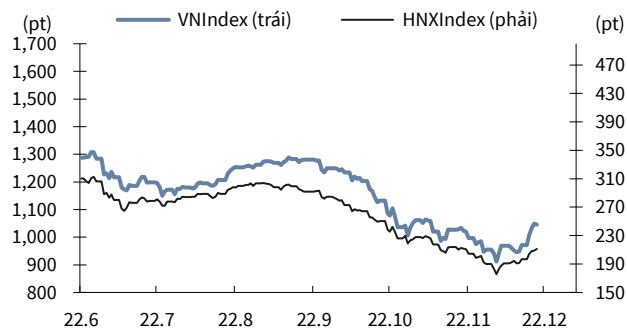
Việc EVN dự báo sẽ lỗ kỷ lục hơn 30.000 tỷ đồng dù đã rất tiết giảm chi phí, xuất phát từ giá điện thấp kéo dài nhiều năm qua và khiến EVN gặp khó khăn về tài chính. Cổ phiếu điện giảm giá ở NT2 (-4.23%), POW (-3.86%), REE (+0.68%).

**UPCoM** 71.43 (+0.79%)  
**KLGD (triệu CP)** 63.5 (+45.3%)  
**GTGD (triệu US\$)** 23.9 (+59.7%)

Ngân hàng Nhà nước đang dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định của Chính phủ về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam. Cổ phiếu ngân hàng giảm giá ở BID (-5.11%), STB (-2.5%), CTG (-4%).

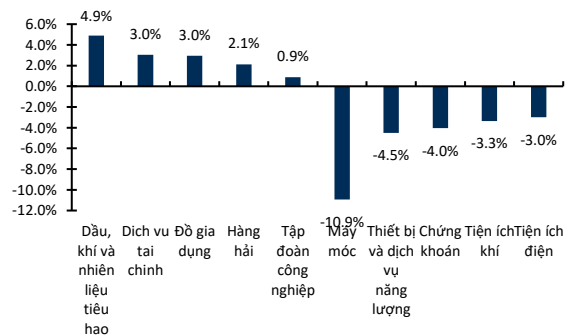
**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** +43.9

## VNIndex & HNXIndex



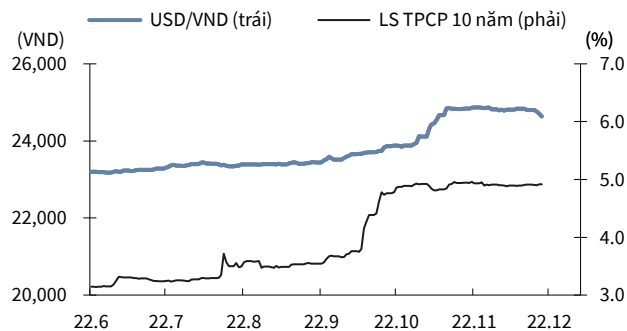
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



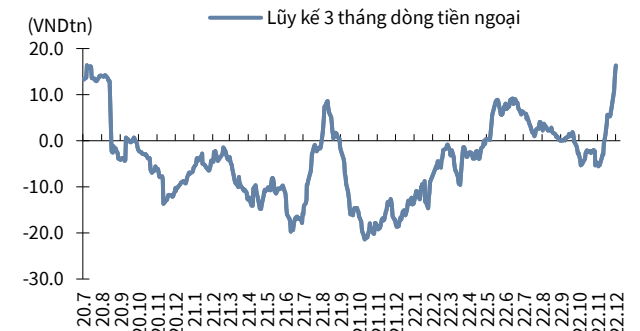
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

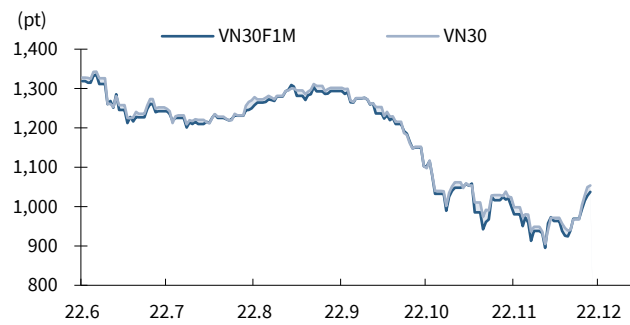
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,053.76 (+0.43%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,037.7 (+0.95%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,041.0</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,059.8</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,029.6</b>

Các HĐTL tăng điểm, trái ngược với diễn biến thị trường cơ sở. Tuy nhiên, chênh lệch F2212 và chỉ số VN30 vẫn duy trì ở mức âm và biến động giằng co liên tục với biên độ rộng trong khoảng -6.9 điểm và -22.43 điểm, đóng cửa ở mức -13.64 điểm. Khối lượng giao dịch tăng nhẹ trong phiên giao dịch hôm nay.

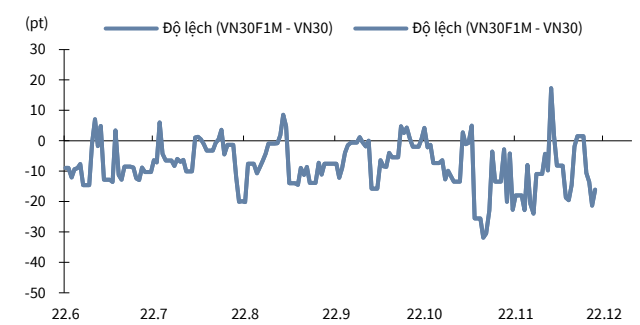
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>417,883 (+2.5%)</b>
------------------	------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



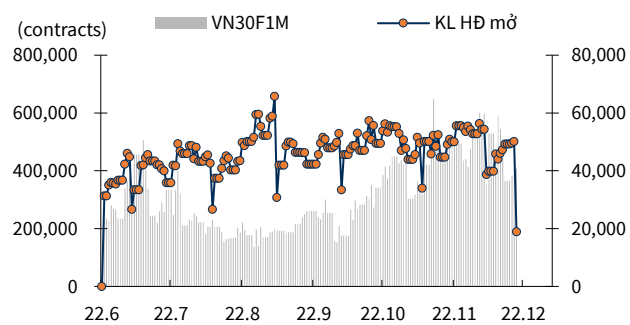
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



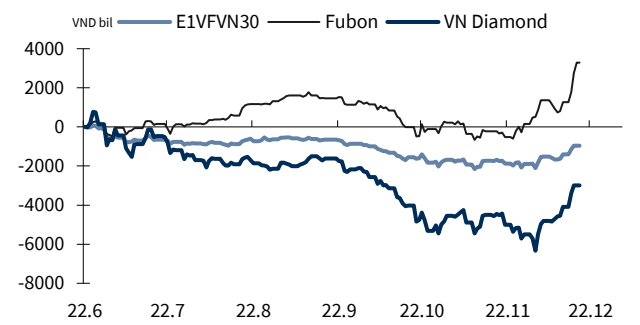
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

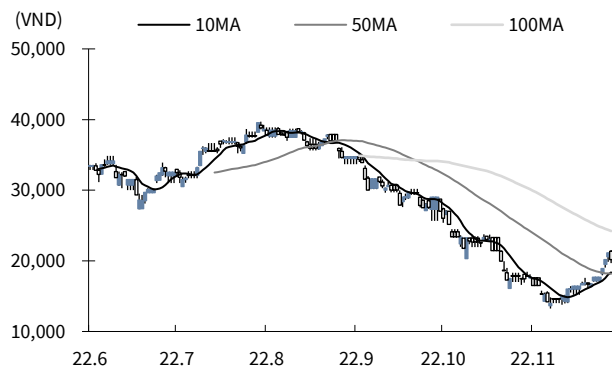
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

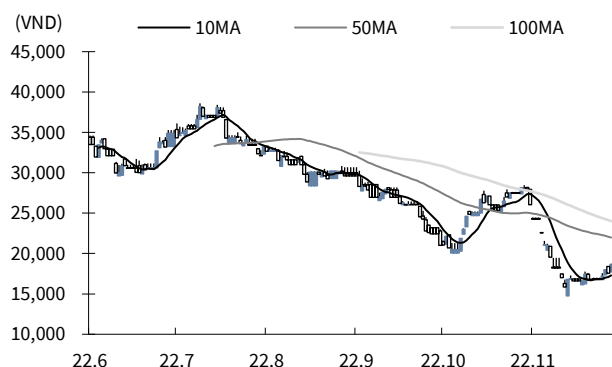
## Kinh Bắc (KBC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- KBC giảm 4.5% xuống 20,200 VND/cp
- HĐQT Kinh Bắc vừa thông qua khoản vay tín chấp hạn mức 110 tỷ đồng từ Công ty TNHH Phát triển Cơ sở Hạ tầng Công nghiệp Tân Tập nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tân Tập là công ty con gián tiếp, do Kinh Bắc nắm 86.54% vốn điều, đơn vị làm dự án Cụm công nghiệp Tân Tập tại Long An của nhóm Kinh Bắc.

## Nông nghiệp BAF Việt Nam (BAF)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- BAF tăng 6% lên 18,600 VND/cp
- CTCP Nông nghiệp BAF Việt Nam vừa thông tin nghị quyết HĐQT về việc nhận chuyển nhượng 717,282 cổ phần, tương ứng 99.9% vốn điều lệ của CTCP Sản xuất Thương mại Chăn nuôi Kim Hợi.
- BAF có kế hoạch phát hành 600 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ trong quý IV/2022 hoặc quý I/2023 để phân bổ cho 5 công ty con để đầu tư các dự án chăn nuôi heo.

30/11/2022

 Chuyên viên phân tích Phạm Hoàng Bảo Nga  
 ngaphb@kbsec.com.vn

### Vinhomes tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu thị trường Bất động sản (BDS)

Vinhomes tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu phân khúc BĐS nhà ở với thị phần trong phân khúc căn hộ ở tất cả các phân khúc trong giai đoạn 2016-3Q2022 lên tới 27%, cao hơn so với doanh nghiệp đứng thứ 2 là 4%. Vinhomes hiện đang sở hữu quỹ đất lên tới 168 triệu m<sup>2</sup> sàn giúp đảm bảo tăng trưởng lợi nhuận và giữ vững thị phần trong các năm tới.

### Tiếp tục bán hàng tại dự án Vinhomes Ocean Park 2 – The Empire và mở bán dự án Vinhomes Ocean Park 3 – The Crown

Hoạt động bán hàng trong Quý 3/2022 ghi nhận kết quả tốt với 15,600 sản phẩm được bán (+164%YoY) với tổng giá trị hợp đồng là 17.7 nghìn tỷ VND (+33%YoY), trong đó bao gồm các giao dịch bán lẻ sản phẩm thấp tầng tại dự án The Empire và giao dịch bán buôn phân khu cao tầng tại dự án The Empire và The Crown. Vào ngày 10/10, Vinhomes đã chính thức mở bán 1,000 căn đầu tiên tại dự án The Crown, trong đó 800 căn mở bán trong đợt đầu tiên đã được đặt cọc sau 3 ngày.

### Dự án The Empire vẫn đang được xây dựng đúng tiến độ, dự kiến sẽ được bàn giao trong năm nay

Công tác xây dựng tại dự án The Empire vẫn đang đúng với tiến độ, khoảng 45% trong tổng số 12,600 căn dự kiến sẽ được bàn giao trong năm nay. Chúng tôi ước tính, lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ năm 2022 và 2023 đạt lần lượt 30,144 tỷ VND (-22%YoY) và 32,835 tỷ VND (+9%YoY).

### Khuyến nghị: MUA – Giá mục tiêu: 82,800VND/cổ phiếu

Dựa trên triển vọng kinh doanh và định giá, chúng tôi tiếp tục đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu Vinhomes với giá mục tiêu là 82,800VND/cp, cao hơn 56% so với giá đóng cửa ngày 29/11/2022.

## Mua duy trì

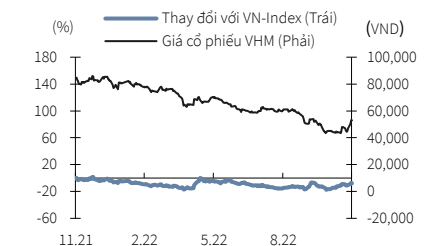
Giá mục tiêu	82,800VND
Tăng/giảm (%)	56%
Giá hiện tại (29/11/2022)	53,100VND
Giá mục tiêu đồng thuận	82,600VND
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/ tỷ USD)	230.8/9.3

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	23.7%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND, triệu USD)	147.1/6.0
Sở hữu nước ngoài (%)	26.6%
Cổ đông lớn	Vingroup (66.66%)

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	18	-11	-25	-37
Tương đối	16	7	-5	-8

FY-end	2020A	2021A	2022F	2023F
Doanh số thuần (tỷ VND)	71,547	84,986	82,077	110,233
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	37,306	47,665	38,702	42,264
Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VND)	27,351	38,825	30,144	32,835
EPS (VND)	8,166	8,916	6,923	7,541
Tăng trưởng EPS (%)	26	9	-22	9
P/E (x)	8.36	7.66	7.67	7.04
P/B (x)	2.67	2.38	1.37	1.12
ROE (%)	36	35	18	16
Tỷ suất cổ tức (%)	7	1	6	

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

29/11/2022

 Chuyên viên phân tích Phạm Hoàng Bảo Nga  
 ngaphb@kbsec.com.vn

### Hoạt động bán hàng trong quý 3/2022 có dấu hiệu chậm lại

Trong quý 3/2022, Nam Long đã bán được 450 căn với giá trị hợp đồng là 1,512 tỷ VND, đến từ hai dự án Akari City (860 tỷ VND) và Southgate (652 tỷ VND), thấp hơn đáng kể so với kế hoạch của doanh nghiệp là gần 3,700 tỷ VND.

Lũy kế 9 tháng đầu năm, doanh số bán hàng đạt doanh số bán hàng đạt 9,922 tỷ VND, tăng 95% so với cùng kỳ, đến từ các dự án Mizuki Park, Akari City, Izumi City, Southgate và Cần Thơ.

### Tập trung mở bán các dự án hiện hữu

Trong Quý 4 năm 2022 Nam Long sẽ tiếp tục mở bán tại dự án hiện hữu Mizuki Park, Akari City và Southgate. Các dự án Izumi City, Cần Thơ và Paragon Đại Phước sẽ được đẩy lùi sang năm 2023. Dựa trên kế hoạch mở bán mới, chúng tôi điều chỉnh giảm tổng giá trị bán hàng ước tính 22% so với báo cáo trước xuống còn 11,915 tỷ VND (+75% YoY).

### Điều chỉnh giảm ước tính lợi nhuận năm 2022 và 2023

Chúng tôi điều chỉnh giảm ước tính lợi nhuận sau thuế của NLG năm 2022 và 2023 đạt lần lượt xuống còn 569 tỷ VND (-47% YoY) và 864 tỷ VND (+52% YoY) do kết quả kinh doanh 9T2022 thấp hơn kỳ vọng và lo ngại trước những khó khăn của thị trường BĐS.

### Khuyến nghị: MUA - Giá mục tiêu: 39,300VND/cổ phiếu

Dựa trên triển vọng kinh doanh và kết quả định giá, chúng tôi đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu NLG với giá mục tiêu 39,300VND/cp, cao hơn 47% so với giá đóng cửa ngày 28/11/2022.

## Mua duy trì

<b>Giá mục tiêu</b>	<b>39,300 VND</b>
Tăng/giảm (%)	47%
Giá hiện tại (28/11/2022)	26,750 VND
Giá mục tiêu đồng thuận	51,200VND
Vốn hóa thị trường (tỷ VND/ triệu USD)	10.5/0.4

### Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2020A	2021A	2022F	2023F
Doanh số thuần (tỷ VND)	2,217	5,206	3,997	3,450
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	1,002	1,205	1,071	998
Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VND)	835	1,071	569	864
EPS (VND)	2,780	2,686	1,486	2,256
Tăng trưởng EPS (%)	-21	-3	-45	52
P/E (x)	16.98	17.57	18.01	11.86
P/B (x)	2.40	2.02	0.72	0.66
ROE (%)	13	11	6	7
Tỷ suất cổ tức (%)	2	1	1	

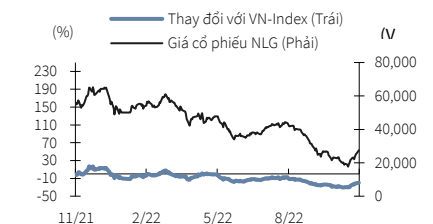
Nguồn: Bloomberg, KBSV

### Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	60.6%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND, triệu USD)	83.6/3.5
Sở hữu nước ngoài (%)	6.5%
Cổ đông lớn	Ông Nguyễn Xuân Quang (11.83%)

### Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	19	-38	-43	-51
Tương đối	21	-17	-21	-19



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNINDEX



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp tăng điểm tích cực đầu phiên, VNINDEX dần suy yếu và đảo chiều giảm điểm giảm co đến cuối phiên.
- Áp lực chốt lời giá cao quanh vùng kháng cự 1060 (+5) đã khiến cho đà tăng tích cực của chỉ số không duy trì được đến cuối phiên. Mặc dù vậy, cơ hội tiếp tục mở rộng nhịp hồi phục ngắn hạn của chỉ số vẫn được đánh giá cao với vùng hỗ trợ gần được đặt quanh 1020 (+5).
- NĐT được khuyến nghị gia tăng tỷ trọng quanh vùng hỗ trợ của các cổ phiếu mục tiêu nhưng khống chế tỷ trọng ở mức an toàn.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1050 - 1055

Kháng cự gần: 1035 - 1040

Hỗ trợ gần: 1008 - 1012

Hỗ trợ xa: 995 - 998

— Sau nhịp tăng điểm tích cực đầu phiên, F1 dần suy yếu và đánh mất phần lớn thành quả đạt được đến cuối phiên.

— Áp lực bán mạnh quanh vùng kháng cự 1060 (+5) đã khiến cho đà tăng tích cực của chỉ số không duy trì được đến cuối phiên. Mặc dù vậy, cơ hội tiếp tục mở rộng nhịp hồi phục ngắn hạn của chỉ số vẫn được đánh giá cao với vùng hỗ trợ gần được đặt quanh 1020 (+5).

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở một phần vị thế LONG quanh các ngưỡng hỗ trợ.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.



# KBSV danh mục đầu tư mẫu

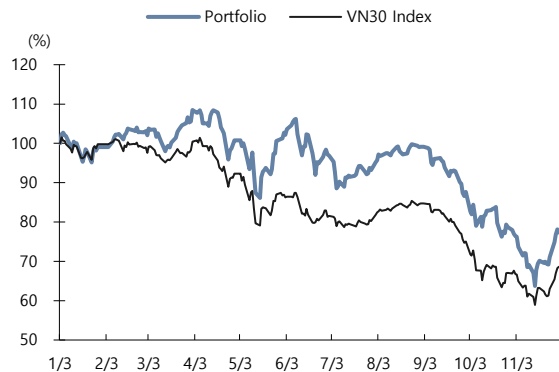
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.43%	-1.00%
Tăng lũy kế (YTD)	-31.38%	-22.67%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 01/12/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	44,050	-0.1%	14.0%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa DMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	14,600	-1.4%	-48.8%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	110,600	-2.6%	44.3%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	117,600	-0.8%	-38.8%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	74,100	0.1%	150.6%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	75,200	0.8%	210.0%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	26,750	-1.8%	41.5%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	106,700	-3.2%	45.4%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	18,750	1.9%	68.4%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	20,500	-3.1%	99.5%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHM	-1.8%	23.6%	211.2
STB	-2.5%	23.9%	145.7
MSN	-2.9%	30.1%	105.8
VIC	-5.2%	12.5%	101.6
HPG	-1.1%	20.1%	83.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
DXG	6.6%	25.0%	-47.5
CTG	-4.0%	27.4%	-58.5
GAS	-3.4%	3.0%	-8.2
GEX	-5.0%	9.6%	-20.3
SAB	-2.6%	62.7%	-43.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	-1.9%	17.3%	11.4
IDC	-2.8%	0.5%	8.4
PVI	1.4%	59.0%	3.5
TNG	0.0%	6.4%	2.9
CEO	9.9%	0.5%	2.7

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVC	-8.4%	0.6%	-0.4
THD	3.4%	1.2%	-0.4
EID	-0.5%	22.3%	-0.1
MBG	4.4%	1.1%	-0.1
AAV	10.0%	0.1%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Kim loại & khai thác	26.4%	HPG, HSG, NKG, KSB
Dịch vụ tài chính	23.4%	EVF, OGC
Xây dựng và kỹ thuật	20.2%	DIG, HDG, VCG, PC1
Sản phẩm xây dựng	17.9%	VGC, BMP, SHI, DAG
Bán lẻ hàng chuyên dụng	16.6%	MWG, FRT, CTF, HAX

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bao bì & đóng gói	-3.6%	TDP, SVI, MCP, TPC
Đồ uống	-2.7%	SAB, BHN, SMB, SCD
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-1.5%	AST, VNG, DSN, DAH
Bảo hiểm	-0.4%	BVH, MIG, BIC, BMI
Máy móc	-0.1%	TCH, HHS, SRF, SHA

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Kim loại & khai thác	14.7%	HPG, HSG, NKG, KSB
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	12.8%	TNH, JVC, VMD
Thực phẩm	8.3%	VNM, MSN, KDC, VHC
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	8.3%	PLX, PGC, CNG, GSP
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	7.7%	PNJ, TCM, MSH, GIL

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Giấy & lâm sản	-23.3%	DHC, HAP, HHP, VID
Thương mại & phân phối	-22.7%	VPG, TSC, BTT, TNA
Bán lẻ hàng chuyên dụng	-14.7%	MWG, FRT, CTF, HAX
Hóa chất	-12.6%	GVR, DGC, DPM, DCM
Dịch vụ tài chính	-9.8%	EVF, OGC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	120,184 (4.8)	22.5	34.1	35.6	14.7	5.8	6.6	2.4	2.2	-3.6	10.0	21.1	-29.4
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	178,529 (7.2)	26.6	7.3	6.2	35.9	22.4	21.4	1.6	1.3	0.0	21.1	21.1	-33.5
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	53,350 (2.2)	17.8	27.3	18.8	-7.6	7.8	10.6	2.1	2.0	-2.0	10.5	14.1	-0.5
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	412,880 (16.7)	31.3	8.1	6.0	6.7	10.8	13.1	0.8	0.6	4.5	11.2	65.1	-73.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	77,486 (3.1)	11.6	17.0	15.1	13.7	11.1	11.4	1.7	1.6	2.7	34.0	23.5	-39.3
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	145,201 (5.9)	13.9	9.9	10.5	-	7.6	6.4	0.7	0.6	6.6	37.9	-5.2	-61.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	102,151 (4.1)	6.3	13.4	11.6	11.7	21.1	19.0	2.8	2.3	-1.4	9.5	6.5	1.4
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	74,530 (3.0)	12.7	12.5	9.7	-5.3	17.9	18.4	2.1	1.7	-2.7	5.3	17.5	7.8
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	180,123 (7.3)	0.0	4.6	4.4	14.3	20.8	17.5	0.8	0.7	6.0	23.9	7.0	-45.1
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	224,401 (9.0)	1.4	7.7	6.6	50.3	15.9	17.9	1.3	1.1	-1.8	8.7	9.4	-21.1
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	302,018 (12.2)	0.0	6.0	7.0	18.8	20.4	16.0	1.1	1.0	0.6	11.9	-1.7	-29.2
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	237,922 (9.6)	0.0	4.6	3.9	14.6	24.7	23.1	1.0	0.8	3.4	14.6	0.0	-25.3
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	45,734 (1.8)	4.2	5.1	4.7	23.3	23.4	20.7	1.1	0.9	2.3	7.4	-4.2	-35.6
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	485,017 (19.6)	14.0	-	-	26.5	12.7	15.8	1.0	0.8	1.0	11.0	19.5	-35.9
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	115,954 (4.7)	0.0	5.9	5.1	37.4	20.9	19.5	1.1	0.9	-0.7	9.3	0.2	-46.8
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	119,969 (4.8)	0.2	-	-	27.3	17.7	14.6	-	-	-0.7	15.3	39.3	-35.2
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	39,562 (1.6)	21.0	-	-	15.8	-	-	-	-	-1.1	-1.6	-9.6	-14.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	5,798 (0.2)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	-0.5	15.2	10.9	-50.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	361,242 (14.6)	55.4	-	-	-3.2	-	-	-	-	-2.3	17.5	10.9	-61.4
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	180,913 (7.3)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-0.6	25.1	-7.8	-56.4
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	152,815 (6.2)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-2.5	14.1	2.9	-53.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	276,302 (11.1)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-0.7	28.0	14.4	-59.4
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	184,046 (7.4)	42.1	20.5	18.2	4.0	26.6	29.7	5.1	5.0	-0.4	1.6	2.9	-4.5
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	34,728 (1.4)	36.9	21.8	19.6	7.3	23.5	22.8	4.7	4.1	-1.9	-2.2	-3.9	16.9
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	108,806 (4.4)	16.5	31.3	21.3	-51.9	12.2	17.2	3.7	3.2	-2.0	12.4	15.6	-29.8
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	22,532 (0.9)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.9	7.4	9.7	-63.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	30,280 (1.2)	11.0	-	-	-88.5	-	-	-	-	0.2	2.0	-2.9	-19.6
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	34,851 (1.4)	10.8	15.5	15.9	-57.0	13.7	13.2	2.1	1.9	-0.8	2.2	1.6	-0.6
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	67,852 (2.7)	38.4	4.5	22.1	65.7	16.0	3.0	0.7	0.7	3.8	24.7	-5.7	-67.9
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (91)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	189,009 (7.6)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-2.3	16.3	9.0	-64.1
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	17,365 (0.7)	3.6	-	-	-52.4	-	-	-	-	-1.4	19.0	17.7	-68.5
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	39,976 (1.6)	0.0	10.3	10.3	-4.5	16.0	15.7	1.7	1.5	0.1	6.2	-3.8	23.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDm)	GTGD (VND triệu, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	40,032 (1.6)	46.1	14.3	14.7	-17.5	25.1	21.8	3.5	3.2	-3.2	0.9	-3.0	10.9
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	23,629 (1.0)	31.4	9.1	8.0	-10.5	19.8	19.9	-	-	-3.1	6.3	1.0	0.2
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,149 (0.0)	34.1	14.7	7.4	-5.1	6.2	11.7	-	-	-0.4	6.9	-9.9	-44.9
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	707,971 (28.5)	18.0	9.8	8.0	21.9	12.2	13.4	1.1	1.0	1.9	30.7	25.0	-47.5
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	90,037 (3.6)	36.5	3.2	5.2	-0.5	36.0	21.2	1.1	1.0	-3.4	8.2	-9.5	-21.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	116,342 (4.7)	46.5	3.9	6.4	-4.5	45.7	22.8	1.6	1.4	-3.1	9.7	12.7	-23.2
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	133,548 (5.4)	38.9	9.1	5.9	67.9	7.0	10.0	0.6	0.5	6.7	30.2	3.0	-61.5
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	23,385 (0.9)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	1.5	14.7	-1.3	-62.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	30,722 (1.2)	4.6	29.4	11.6	-51.0	4.7	12.0	1.3	1.8	4.2	11.8	5.7	-42.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	110,218 (4.4)	39.9	-	19.2	-11.9	-1.2	1.9	0.6	0.6	-2.5	18.5	-4.9	-31.4
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	32,276 (1.3)	35.9	7.8	7.2	2.2	14.6	14.4	1.1	0.9	-3.7	10.3	12.2	-19.7
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	168,911 (6.8)	0.0	12.9	9.0	14.4	22.7	26.9	2.8	1.9	-0.1	16.8	12.1	-35.2
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	30,051 (1.2)	0.0	15.7	13.5	2.4	24.3	21.8	3.1	2.6	-2.6	4.3	8.9	15.0
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	2,041 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	7.0	19.2	18.1	-62.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	98,612 (4.0)	30.3	17.0	14.5	-75.2	26.2	27.0	4.0	3.3	-3.8	18.2	15.4	2.2
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	29,328 (1.2)	34.6	6.4	7.2	41.2	29.7	23.6	1.8	1.7	0.0	10.6	5.3	-40.3
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,055 (0.0)	45.4	11.9	11.2	10.7	22.0	21.1	2.6	2.4	-2.1	2.9	-1.2	-25.5
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	91,865 (3.7)	0.0	15.2	13.0	15.5	27.2	28.0	3.7	3.2	0.8	6.7	-0.4	-3.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên cao cấp  
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích  
huynd1@kbsec.com.vn

### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuann@kbsec.com.vn

### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

Khối Phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư  
anhtd@kbsec.com.vn

### Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Quyên – Chuyên viên phân tích  
quyenlh@kbsec.com.vn

### Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích  
congth@kbsec.com.vn

### Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656  
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276  
Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)  
Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.